

## Cụm di tích thắng cảnh

# BÊN ĐÔI BỜ SÔNG ĐÁY

KHÁNH VIỆT

**S**ông Đáy chảy vào đất Hà Nam ở địa phận xã Tân Sơn (Kim Bảng) đến thị xã Phủ Lý thì hợp lưu với sông Châu rồi tiếp tục chảy qua đất huyện Thanh Liêm, đến địa giới tận cùng là xã Thanh Hải. Bên đôi bờ sông Đáy đậm đặc di tích cùng dải sơn khối đá vôi men theo bờ Tây. Trong bài viết này, chúng tôi giới thiệu cụm di tích thắng cảnh tiêu biểu bên bờ con sông này

### Đền Trúc - Ngũ Động Sơn

Khu di tích này nằm ở phía Tây Bắc thôn Quyển Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, bên hữu ngạn sông Đáy.

Đền Trúc và Ngũ Động Sơn liền kề nhau, xa làng xóm, phía Bắc giáp bờ sông Đáy, phía Nam là quốc lộ 21 chạy qua.

Đền Trúc: Đây là nơi thờ Lý Thường Kiệt - một vị tướng kiệt xuất, lập nhiều công lớn ở thời Lý.

Các nguồn tư liệu địa phương cho biết, khi Lý Thường Kiệt đem quân đi chinh phạt phương Nam vào năm 1069, đoàn thuyền chiến khi theo dòng sông Đáy qua trại Canh Dịch (nay là thôn Quyển Sơn xã Thi Sơn) thì gặp một trận gió lớn, nên phải ép sát vào chân núi để tránh gió. Trận cuồng phong ấy đã bẻ gãy cả cột buồm và cuốn luôn lá cờ đại lên đỉnh núi.

Thấy điều lạ, Lý Thường Kiệt cho quân sỹ dừng lại dưới chân núi, rồi cùng tướng lĩnh lên bờ sửa soạn lễ tế trời đất cầu mong chiến thắng. Cũng từ buổi ấy, ông đặt tên cho quả núi

đó là Cuốn Sơn (còn có tên là núi Cấm) và trại Canh Dịch cũng được đổi thành làng Cuốn Sơn (sau này được đổi thành Quyển Sơn).

Lần ra quân ấy, đại quân Lý Thường Kiệt đã thắng lớn. Trên đường trở về kinh đô, khi qua vùng núi cũ, ông đã cho dừng quân, hạ trại bên rừng trúc, giết trâu mổ bò làm lễ tạ trời đất và khao thưởng ba quân, mở hội mừng chiến thắng.

Lý Thường Kiệt mời dân làng cùng tham dự cuộc vui với quân sỹ. Ông cho tuyển chọn những cô gái làng có thanh sắc để múa hát, chọn các trai tráng khỏe mạnh để tổ chức đua thuyền. Hội mừng chiến thắng kéo dài hàng tháng trời, dân quanh vùng nô nức tham dự.

Trong những ngày mở hội, tuy có nhiều trò vui, nhưng đông nhất vẫn là trò hát múa của các cô gái thanh tân ca ngợi chiến công đánh giặc giữ nước, cầu mong cuộc sống thanh bình, lứa đôi hạnh phúc và mọi người an cư lập nghiệp. Trò múa hát này được gọi là hát Dậm. Thời gian đóng quân tại đây, Lý Thường Kiệt còn cho quân sỹ giúp dân chăm sóc đồng ruộng và dạy dân trồng dâu nuôi tằm, dệt vải.

Sau này, để tưởng nhớ người có công đối với đất nước và quê hương nhân dân Quyển Sơn đã lập đền thờ Lý Thường Kiệt ngay nơi ông từng mở hội mừng chiến thắng. Đấy chính là đền Trúc ở dưới chân núi Cấm. Ở Hà Nam cũng như ở nhiều nơi khác tuy có nhiều đền thờ Lý Thường Kiệt, song việc thờ ông ở đền Trúc -

Quyển Sơn độc đáo ở chỗ nó gắn bó keo sơn với sự ra đời của múa hát Dậm - một di sản văn hóa phi vật thể đặc sắc riêng có của Hà Nam. Hàng năm, cứ vào dịp đầu xuân, nhân dân địa phương lại tổ chức lễ hội, tổ chức hát Dậm để tưởng nhớ về người anh hùng dân tộc Lý Thường Kiệt và mừng những mùa xuân chiến thắng của đất nước.

Đền Trúc, theo năm tháng, đã được tu sửa nhiều lần và đợt sửa chữa lớn gần đây nhất là vào những năm đầu thế kỷ XX. Nếu đi bằng đường thủy, thuyền cập bến phải đi qua hơn một chục bậc xây bằng gạch mới đến cổng đền. Khu rừng Trúc hiện nay đã bị chặt gần hết, nhưng bao bọc xung quanh ngôi đền vẫn còn một lớp trúc khá dày, tạo cho cảnh quan một vẻ đẹp thơ mộng.

Cổng đền gồm bốn cột đồng trụ, bao gồm hai cột chính ở giữa và hai cột nhỏ ở hai bên. Hai cột chính cao trên 6m, được chia thành ba phần: phần dưới là một khối chữ nhật, các mặt đều có gờ chỉ tạo thành những khung cân đối. Chữ được nhấn chìm vào trong vữa tường. Trên phần này là một khối vuông, bốn mặt nổi hình tứ linh và trên cùng là một đôi nghê đắp cân đối, dáng đẹp, quay mặt vào nhau.

Qua một sân gạch rộng là đến nhà tiền đường. Công trình gồm 5 gian, xây cao trên mặt sân 0,60m, được giạt thành 3 cấp, hai đầu hồi bít đốc. Ở giữa mặt tường trước hai gian đầu hồi để cửa sổ trở hình chữ thọ. Ba gian giữa là hệ thống cửa gỗ được làm lùi sát hàng cột quân.

Ngôi đền được làm bằng gỗ lim. Hệ thống vì kèo là một dạng biến thể: giá chiêng, chông rường con nhị. Những mảng chạm khắc trong kiến trúc ở công trình này chỉ là những nét điểm xuyết. Đó là những chiếc lá lật, những cụm mây tỏa ở trên các kẻ, các con rường và những chiếc đầu đỡ, các trụ được chạm những hình cánh sen bao quanh. Riêng ở hai vì kèo giáp hồi, tại phần chông rường nằm giữa cột cái và cột quân, được chạm khắc toàn bộ với đề tài tứ linh. Bao trùm lên toàn bộ bức chạm là con rồng uốn lượn bay trong mây và chiếm tới một nửa diện tích, nằm gần trọn vẹn ở phía trên. Con rồng như đang bay trên mây và những cụm mây cũng đang bay trên bầu trời. Trên một con rường dài nhất nằm dưới cùng là hình ảnh ba con vật còn lại của bộ tứ linh được bố cục từ trái sang phải: Con rùa ở dưới nước, con lân

sống trên mặt đất và con phượng đang tung bay. Phải chăng đó là cách diễn tả thiên nhiên của người xưa?

Ba gian hậu cung cũng được xây dựng cùng phong cách với tòa tiền đường. Hai đầu bít đốc, khung bằng gỗ lim, hệ thống vì kèo giá chiêng và mái lợp ngói mũi. Toàn bộ phía đằng sau công trình xây gạch thất bát mạch để trần không trát vữa. Đằng trước là cửa bằng gỗ lim, phía trên chạm thủng với đề tài tứ quý, đường nét mềm mại, bố cục hài hòa và tất cả rực rỡ lên bởi nước sơn thếp.

Giữa tiền đường và hậu cung hẹp chưa đầy 3m. Từ các đầu hồi nhà hậu cung nổi lên khu nhà trên, người ta xây tường, tạo thành một nhà cầu. Khoảng sân trống ở giữa là một bể non bộ khá vui mắt.

Núi Cấm nằm giữa khúc hẹp nhất của khúc lượn giữa sông Đáy và đường quốc lộ 21. Núi này nguyên có tên là Cuốn Sơn. Phải chăng vì quả núi có liên quan tới một sự kiện lịch sử vào thế kỷ XI nên nó trở thành một ngọn núi thiêng. Người dân ở đây đã bao năm tháng qua đi nhưng không ai dám động đến một cây cỏ một cành cây trên núi, họ phải đi vào rừng xa hàng chục cây số để kiếm củi, lấy gỗ. Đã có biết bao câu chuyện thần bí xung quanh ngọn núi này. Chính vì vậy ngọn núi còn có tên là núi Cấm, một quả núi linh thiêng không ai dám xâm phạm tới.

Ngũ Động Sơn: Địa bàn huyện Kim Bảng nói chung, trong đó có xã Thi Sơn, là vùng bán sơn địa, có nhiều núi đá vôi. Những dải núi đá ở huyện Kim Bảng ngày nay nằm trong dãy núi đá vôi Hòa Bình, phía trên kéo lên tận miền Tây Bắc, còn phía dưới chạy thẳng ra biển Đông.

Ngũ Động Sơn là 5 hang nằm trong lòng núi Cấm, nối liền với nhau, tạo thành một dãy động liên hoàn, có chiều sâu hơn 100m.

Phải trèo lên một số bậc đá mới tới cửa động. Mặt động quay sang phía sông Đáy. Từ đây có thể phóng tầm mắt ra xa để ngắm nhìn phong cảnh thiên nhiên.

Động đầu tiên còn gọi là hang Châu. Động này không rộng lắm. Cảnh trí ở đây, trong một ngày, theo thời gian chuyển dịch, đã tạo nên những nét khá đặc biệt: Nếu lúc bình minh, ánh sáng rực rỡ òa vào trong động tạo nên những sắc hình lung linh, thì buổi trưa, ánh nắng được lọc qua những tán cây trước động, tạo nên màu

xanh nhạt, đến buổi chiều, mặt trời hắt ánh nắng vào hang, tạo nên một màu tím huyền ảo.

Từ đây đi theo đường độc đạo dài 54m sẽ tới các động liên hoàn. Các động nằm trong lòng núi đá, nhưng chất đá chỉ có ý nghĩa như một khung nhà, còn điều gây ấn tượng liên tục là các hình khối, màu sắc và sự độc đáo của miên man thạch nhũ. Điều kỳ lạ và không nhầm chán là, từ động 2 đến động 5, cấu trúc của thạch nhũ từng động tuy rất đa dạng, gọi hình hàng trăm con vật và ý niệm quen thuộc, nhưng lại rất khác nhau về cách tạo dáng, tạo hình. Sự xuất hiện các thạch nhũ tại đây theo nhiều kiểu, nhiều chiều: Có cái mọc chồi ra từ vách động, có cái rủ từ trên trần xuống, cũng có cái nhô lên từ nền hang... Màu sắc, da nhũ, độ xốp, độ bóng của các hình nhũ cũng rất khác nhau. Với trí tưởng tượng phong phú, nhân dân địa phương đã đặt cho các tác phẩm thiên tạo bằng đá này những cái tên hết sức gần gũi/dân gian như: Con rùa, con voi, bầu sữa mẹ, nổi cơm mở vung, đồng rơm...

Động 4 là động lớn nhất, có thể chứa được cả nghìn người. Trong động này còn có một lối nhỏ để ra một chiếc giếng có độ sâu vừa phải, nước trong vắt, có thể nhìn thấy cá đang bơi. Đây có thể là nơi tiêu nước của toàn động trong quá trình lòng núi bị bào mòn và rất có thể đáy giếng có đường ăn thông ra sông Đáy ở phía dưới chân núi Cấm.

Núi Cấm đứng độc lập, trông xa có hình dáng như một con sư tử nằm, thảm thực vật ở đây rất phong phú. Một truyền thuyết kể rằng: Khi Lý Thường Kiệt đóng quân tại đây, một vị lương y trong đoàn quân lên núi hái thuốc đã phát hiện ra một loại cây cỏ là một vị thuốc quý. Cây cỏ có hình dáng trúc, ruột rỗng, dân gian gọi là "Cỏ thi". Trong đông y, cây cỏ này được coi là thần dược vì nó chữa được rất nhiều thứ bệnh nan y. Rất tiếc, cây thuốc này nay không còn tồn tại.

Trên đỉnh núi còn có một bàn cờ thiên tạo bằng đá. Chuyện xưa kể rằng, vào những đêm trăng sáng, quần tiên thường kéo nhau về đây mở hội uống rượu chơi cờ và ngắm cảnh nơi trần thế. Gần bàn cờ còn có một vũng vuông vức lõm xuống, thường được gọi là huyệt đế vương. Từ trên đỉnh núi phóng tầm mắt ra xa, mới thấy hết vẻ đẹp nơi này. Chính vì vậy, nhiều thi nhân mặc khách khi qua đây đã dừng chân

Khánh Việt: *Cụm di tích thắng cảnh bên đời bờ...*

chiêm ngưỡng cảnh đẹp. Đặc biệt, Tỉnh Đô Vương Trịnh Sâm là người đã đi nhiều, song vẫn ngỡ ngàng trước cảnh sơn thủy hữu tình nơi đây. Ông đã cảm hứng làm bài thơ nổi tiếng, tạm dịch như sau:

*Sông dài vượt sóng cánh bướm reo  
 Núi Quyển phương Nam nhẹ lướt chèo  
 Vách đá chen mây xô cánh phượng  
 Rong nằm uốn khúc ngập trắng treo  
 Xóm nghèo mái lá tre xanh tỏa  
 Đốc núi tiểu lên dáng dõng theo  
 Ngẫm chuyện tìm châu người mất tích  
 Lòng tham gọi suối gặng quên nghèo*

#### **Chùa Bà Đanh - Núi Ngọc**

Chùa Bà Đanh (Bảo Sơn tự) và núi Ngọc nằm bên tả ngạn sông Đáy, thuộc xã Ngọc Sơn, huyện Kim Bảng. Đối ngạn là đền Trúc - Ngũ Động Sơn vừa được giới thiệu trên đây.

Chùa Bà Đanh cũng như nhiều chùa khác ở miền Bắc Việt Nam, điện thờ gồm nhiều tượng Phật và Bồ Tát như các chùa thờ Phật theo phái Đại thừa, đồng thời còn có tượng của Đạo giáo như: Thái thượng lão quân, Nam tào, Bắc đẩu và các tượng Tam phủ, Tứ phủ của tín ngưỡng dân gian.

Nhưng, nét đặc biệt ở chùa Bà Đanh là việc tôn thờ Pháp Phong một tín ngưỡng hoàn toàn mang tính bản địa. Truyền thuyết về vị nữ thần này căn bản tương đồng với truyền thuyết về đức Man Nương trong sự tích Tứ Pháp vùng Dâu (Thuận Thành, Bắc Ninh). Tuy vậy, việc thờ thần ở chùa Bà Đanh còn có một truyền thuyết nữa ở địa phương kể rằng: Trước đây, ở vùng này luôn gặp mưa to, gió lớn, nên sản xuất rất khó khăn. Vào một ngày kia, cả làng xôn xao chuyện thánh nhân báo cho một cụ già trong làng rằng có một người con gái trẻ trung, xinh đẹp, đoan trang, khuôn mặt phúc hậu với vầng trán và đôi mắt thông minh nói rằng: Ta được thần cho về đây để chăm nom và chỉ bảo dân làng làm ăn. Dân làng bèn lập chùa thờ bà. Các cổ lão chọn khu rừng đầu làng làm nơi dựng chùa. Nơi ấy bấy giờ là một vạt rừng rậm rạp có nhiều cây cổ thụ, sát bờ sông là một hòn núi nhỏ nhô ra mặt nước, trong rừng rợn rã tiếng chim, quang cảnh thật thần tiên.

Ngôi chùa ban đầu dựng đơn sơ bằng tranh tre. Đến năm Vĩnh Trị đời Lê Hy Tông (1676 - 1680), khu rừng được mở mang quang đãng để xây một ngôi chùa khang trang. Nơi ấy là khu

vực dân làng cấm mọi người làm nhà ở, nên cảnh chùa càng thêm trang nghiêm, vắng vẻ. Ngôi chùa dựng lên ít lâu thì một cây mít cổ thụ ở cạnh chùa bỗng rụng bị gió to quật đổ. Dân làng lấy gỗ về tạc tượng thờ trong chùa. Một hôm có một người khách đến chùa nói làm nghề tạc tượng và được báo mộng để tìm đến đây. Người khách tả hình dáng và dung nhan người con gái đã báo mộng thì rất giống vị thánh nhân đã báo mộng cho cụ già trong làng.

Năm ấy gặp mùa mưa lũ, nước sông dâng cao, tượng tạc gần xong thì dưới bến sông trước chùa có một vật lạ nửa nổi, nửa chìm lượn lờ nhưng không trôi theo dòng nước, dân làng vớt lên xem thì đấy là một vật làm bằng gỗ quý như chiếc ngai bèn rước ngay vào chùa.

Tượng tạc xong giống y hệt người con gái trong mộng và đặt thử vào ngai thì rất vừa. Từ đó, trong vùng mưa thuận, gió hòa, mùa màng bội thu. Tiếng đồn Thánh Bà chùa Bảo Sơn linh thiêng mầu nhiệm thu hút khách thập phương kéo về lễ rất đông. Những người làm nghề sông nước gặp mùa mưa lũ, thuyền xuôi ngược qua lại nơi này đều lên chùa thắp hương cầu mong yên ổn. Dân địa phương gọi ngôi chùa này là chùa Đức Bà làng Đanh và gọi tắt là chùa Bà Đanh. Trong dân gian còn truyền tụng câu:

*Còn duyên kẻ đón người đưa*

*Hết duyên vắng ngắt như chùa Bà Đanh*

Lý giải hiện tượng một vị thần lại có hai nguồn gốc này như thế nào? Chúng tôi nghĩ rằng đây là quá trình giao thoa, tiếp biến văn hóa. Truyền thuyết về vị nữ thần, thực chất là thủy thần người địa phương, ra đời trước và nhân dân đã lập đền thờ Bà. Sau đó địa phương du nhập hệ thống Tứ pháp và đồng nhất vị thần với Phật Bà Man Nương. Quan niệm phổ biến xưa nay Tứ Pháp gồm: Pháp Vân (mây), Pháp Vũ (mưa), Pháp Lôi (sấm), Pháp Điện (Chớp). Trong chùa Bà Đanh nhân dân cho pho tượng vẫn thờ trong chùa là Pháp Vân. Song điều này lại mâu thuẫn với 3 đạo sắc phong vào các năm Thành Thái thứ nhất (1889), Khải Định thứ 2 (1917) và Khải Định thứ 9 (1924) ghi rõ: Phong cho Pháp Phong xã Đính Xá, huyện Kim Bảng. Một bức đại tự khắc gỗ do người trong xã là Bùi Thị cung tiến vào đầu mùa thu năm Tân Mùi niên hiệu Bảo Đại (1931) với 4 chữ Hán "Danh tể Tứ Pháp" (tên ngang Tứ Pháp) đã phân biệt rất rõ vị thần của

chùa không phải là Tứ Pháp và có vị trí ngang Tứ Pháp. Một đôi câu đối khác do phó bảng Trần Liễu cung tiến năm Canh Tý (1900) còn khẳng định vị thần này công lao hơn cả Tứ Pháp.

Củng cố thêm cho sắc phong rằng vị thần được thờ ở chùa là Pháp Phong là bức đại tự 4 chữ Hán: "Hóa tuyên tống lệnh" (Biến hóa làm hiện thực lệnh của phương Đông Nam) - Trong Tiên thiên Bát quái, quẻ Tốn là Gió (Phong) vị trí ở Đông Nam.

Đến đây có thể rút ra một số kết luận:

- Việc thờ Pháp Phong ở chùa Bà Đanh là một hiện tượng độc đáo. Pháp Phong vốn không nằm trong Tứ Pháp nhưng lại có mối liên quan mật thiết tới Tứ Pháp. Theo một số cụ già ở địa phương giải thích: Pháp Phong còn sinh ra Tứ Pháp, vì gió xua tan mây, mây tan sinh ra mưa, có mưa là có sấm, chớp.

- Khởi nguồn của Pháp Phong là vị nữ Thủy thần, do ảnh hưởng của tục thờ Tứ Pháp từ gốc ở Thuận Thành (Bắc Ninh) lan ra nhiều vùng trong cả nước, nên khi Nhà Nguyễn sắc phong, vì không thể xếp vị nữ thần vào Tứ Pháp nên đã thêm một Pháp là Phong.

- Vị nữ thần mang tên Bà Đanh (có người suy luận là Bà Banh e chưa đủ chứng cứ). Đanh là tên nôm của làng Đính Xá, nơi có ngôi chùa.

Vì tục thờ Tứ Pháp là rất phổ biến, ngay ở Hà Nam cũng có, một số ngôi chùa (ở vùng Kim Bảng và thị xã Phủ Lý) thờ Tứ Pháp, nên để hòa nhập với xu thế chung, làng Đính Xá đã tiếp nhận bản "Cổ Châu Tứ Pháp ngọc phả" và bổ sung đại tự, câu đối nói về Pháp Vân, Man Nương thuộc hệ Tứ pháp.

- Ở thủ đô Hà Nội và một số tỉnh cũng có chùa Bà Đanh và câu phương ngôn "vắng như chùa Bà Đanh" hẳn có căn nguyên của nó cần được giải mã. Chùa Bà Đanh (Ngọc Sơn, Kim Bảng) nổi tiếng là chốn linh thiêng. Trước cách mạng tháng Tám năm 1945, chùa nằm xa khu dân cư. Tại đây, cây cối um tùm nên rất vắng vẻ, ít người qua lại. Mỗi khi dân làng vào chùa đều phải gõ chiêng trống để xua đuổi thú dữ. Chính vì vậy, ở đây đã truyền tụng câu: "Vắng như chùa Bà Đanh".

Chùa quay mặt hướng Nam, nhìn ra sông Đáy. Phía ngoài cùng giáp với đường đi và gần bờ sông là tam quan chùa - công trình kiến trúc

gồm ba gian, được làm thành hai tầng. Qua cổng tam quan là vào khu vườn hoa, tiếp đến là một sân lát gạch, rồi đến nhà bái đường. Hai dãy hành lang nằm về hai bên, mỗi dãy có ba gian, khung gỗ lim, lợp ngói mũi tường xây bao quanh đằng sau và hai đầu hồi. Nhà bái đường có 5 gian, hai đầu bít đốc, lợp ngói mũi, trên nóc có đôi rồng châu mặt nhật.

Ngoài ra, trong các đề tài trang trí ở đây còn có hình ảnh các nhạc cụ cổ truyền như đàn tranh, đàn nguyệt, phách, sáo, hay các đồ vật như quạt, khánh, quả bầu đựng rượu... để tạo nên tám vật gọi là bát bảo.

Nhà trung đường nối liền với nhà bái đường, gồm 5 gian hai đầu bít đốc, lợp ngói mũi. Toàn bộ hệ thống vì kèo ở đây là biến thể của dạng vì kèo giá chiêng chống rường con nhị, được chế tác đơn giản, chủ yếu là vuông thành sắc cạnh.

Nhà thượng điện có ba gian, đằng sau và hai bên xây tường bao, còn phía đằng trước là cửa gỗ lim. Lòng nhà thượng điện hẹp hơn bái đường và trung đường, nhưng nền thì được xây cao vượt hẳn lên.

Phía đằng sau, nằm về phía Tây chùa, là khu nhà ngang gồm 5 gian; 3 gian dùng làm nơi thờ các vị tổ đã trụ trì ở đây, còn hai gian đầu hồi được ngăn thành buồng để làm nơi ở cho người tu hành. Đằng trước nhà tổ một sân gạch và phía ngoài là khu vườn trồng hoa với cây lưu niên. Phía Đông của khu chùa là phủ thờ Mẫu, được làm giáp với dãy nhà trung đường. Toàn

bộ khu vực chùa có tường bao quanh.

Cách chùa Bà Đanh khoảng 100m về phía Tây là núi Ngọc - quả núi nằm sát mặt nước sông Đáy. Ngọn núi này nằm trong hệ thống núi đá kéo dài từ Hòa Bình xuống nhưng nằm tách riêng ra và cách dãy núi đá vôi trên bờ dòng sông Đáy.

Núi Ngọc hoàn toàn cấu tạo bằng đá vôi. Từ chân núi có lối lên tương đối dễ dàng. Đây đó nhấp nhô khối đá hình trụ và muôn hình nghìn vẻ tự nhiên khác nhau để tạo nên một dáng núi đẹp. Trên núi cây cối mọc nhiều, cây to nhỏ chen nhau, xum xuê cành lá. Đã từ lâu người dân địa phương không chặt cây nên thảm thực vật rất phong phú, trong đó có một cây si cổ thụ. Theo nhân dân địa phương thì cây si này có cách đây hàng ngàn năm.

Ngay dưới chân núi có một ngôi đền cổ. Ngôi đền thờ một ông nghề có công với dân làng nên được lập đền thờ tự. Nối giữa chùa Bà Đanh và núi Ngọc là một bãi rộng trồng cây lưu niên chủ yếu là vải thiều, nhãn, ngoài ra còn xen ngô sắn. Toàn bộ cảnh quan ở đây có vẻ đẹp tự nhiên rất hấp dẫn.

Chùa Bà Đanh - Núi Ngọc thật xứng tầm một danh lam cổ tích. Nơi đây, bao đời rồi, sông núi đã hòa nhập với nhau, cảnh trí thiên nhiên và công trình nhân tạo đã bổ sung cho nhau, góp phần nâng cao giá trị của cả khu di tích.

K.V

